

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **32/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 05/5/2025
Về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Cao Lâm.

2. Ông Trần Văn Bút.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Phan Văn L**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác, nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn L có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/5/2013 tại UBND xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại thôn Đ, xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, gia đình hai bên có hoà

giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn L.

Về con chung: Chị và anh Phan Văn L có 02 con chung là Phan Bùi Trà M, sinh ngày 24/6/2013 và Phan Bùi Xuân S, sinh ngày 24/4/2019. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị đề nghị anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, chị cấp dưỡng cho các cháu với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) một tháng cho mỗi cháu. Tuy nhiên, hiện nay anh L đi làm cả ngày, có khi vài hôm mới về nhà, các con đều do mẹ anh L chăm sóc, chị đi làm công ty, có thu nhập ổn định, cháu My có nguyện vọng được ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị xác định chị và anh Phan Văn L không có tài sản chung, vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tòa án xác minh tại thôn Đồng Nội, xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương là nơi cư trú của chị Nguyễn Thị U và anh Phan Văn L, ông Trần Xuân Mỹ trưởng thôn Đ cung cấp thông tin: Chị U và anh L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị U và anh L sinh sống cùng mẹ đẻ anh L tại thôn Đ, xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó, anh L và chị U cùng đi làm công ty ở Bắc Ninh, thỉnh thoảng có về nhà, từ năm 2023 đến nay anh L ở nhà làm lao động tự do, chị U vẫn đi làm công ty, thỉnh thoảng có về nhà nhưng chị U chỉ về thăm con rồi đi luôn, tôi nghe mẹ anh L nói anh chị U L đã sống ly thân. Nay chị U có đơn xin ly hôn với anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị U và anh L có 02 con chung là Phan Bùi Trà M, sinh ngày 24/6/2013 và Phan Bùi Xuân S, sinh ngày 24/4/2019, hiện đang ở cùng anh L và bà Ngân (mẹ đẻ anh L) tại thôn Đ. Chị U và anh L không có tài sản chung ở địa phương. Về tài sản cho vay và vay nợ chung thì địa phương không nắm được.

Toà án lấy lời khai của bà Phan Thị Ngân (là mẹ đẻ của anh L) được biết: Anh L và chị U kết hôn và về chung sống cùng nhà với bà tại thôn Đ, xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó, anh L và chị U cùng đi làm công ty ở Bắc Ninh, thỉnh thoảng có về nhà. Khoảng giữa năm 2023 bà không biết vì lý do, mâu thuẫn gì chỉ thấy chị U vẫn đi làm xa, còn anh L ở nhà làm lao động tự do. Tết nguyên đán năm 2024 và 2025 chị U có về thăm con rồi lại đi luôn chứ không ở lại. Từ giữa năm 2023 đến nay chị U và anh L sống ly thân. Anh L vẫn ở cùng bà, ban ngày đi làm, tối có hôm về hôm không về, bà là người trực tiếp đưa đón các con của anh L đi học. Bà Ngân có nhận thay Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án gửi đến và đưa cho anh L đọc. Anh L nói chị U bỏ anh L thì chị U tự làm thủ tục còn anh L

không đến Tòa án làm việc. Chị U vẫn hàng ngày gọi điện cho bà để nói chuyện với các con, gửi quà cho con nhưng bà không thấy chị U hỏi thăm hay gọi điện cho anh L.

Ý kiến của cháu Phan Bùi Trà M là khi bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; khoản 4 Điều 147; 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Phan Văn L.
- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Bùi Trà M, sinh ngày 24/6/2013 và Phan Bùi Xuân S, sinh ngày 24/4/2019 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
- Về tài sản chung: Chị U xác định không có, nên không xem xét giải quyết.
- Về vay nợ chung: Chị U xác định không có, nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí theo quy định pháp luật.
- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị U và anh Phan Văn L tự nguyện kết hôn ngày 21/5/2013 tại UBND xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Phan Văn L thường trú tại thôn Đ, xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh L hiện đang làm lao động tự do tại địa phương. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Về sự tham gia tố tụng của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh L đến Tòa án để giải quyết, gia đình anh L đã thông báo cho anh L nhưng anh L vẫn không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ, chị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị U, anh L theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị U và anh L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 21/5/2013 tại UBND xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh L là hợp pháp. Tuy nhiên, do cả hai không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2023 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Bản thân chị U xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị U và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị U là được ly hôn với anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị U và anh L có 02 con chung là Phan Bùi Trà M, sinh ngày 24/6/2013 và Phan Bùi Xuân S, sinh ngày 24/4/2019. Xét thấy: Các cháu còn nhỏ, hiện đang ở cùng với bà nội, anh L không trực tiếp chăm sóc các cháu; chị U đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, chị U có nơi cư trú ổn định, có thu nhập khoảng 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*)/tháng đảm bảo nuôi dưỡng 02 con; cháu M có nguyện vọng được ở cùng với chị U nên giao cháu M và cháu S cho chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung là Phan Bùi Trà M, sinh ngày 24/6/2013 và Phan Bùi Xuân S, sinh ngày 24/4/2019 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị U xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Phan Văn L không phải nộp án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Phan Văn L. (Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 21/5/2013 của UBND xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Bùi Trà M, sinh ngày 24/6/2013 và cháu Phan Bùi Xuân S, sinh ngày 24/4/2019 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002941778 ngày 14 tháng 02 năm 2025 ký bởi Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001769 ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Phan Văn L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đồng Quý;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Mai Thị Huệ

